

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026 (ĐỢT 1)
TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày / /2026 của Sở Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Đơn vị	Tổng cộng	Bổ sung kinh phí tổ chức các hoạt động thành lập phường NQ 237 của QH theo QĐ 589/QĐ-UBND ngày 03/6/2026	Kinh phí thực hiện chương trình y tế dân số đối với các trạm y tế cấp xã
A	B	1=sum()	2	3
	Tổng cộng	25.380	5.430	19.950
1	An Lộc	210	0	210
2	An Phước	210	0	210
3	An Viễn	210	0	210
4	Bảo Vinh	210	0	210
5	Bàu Hàm	210	0	210
6	Biên Hòa	210	0	210
7	Bình An	210	0	210
8	Bình Lộc	210	0	210
9	Bình Long	210	0	210
10	Bình Minh	210	0	210
11	Bình Phước	210	0	210
12	Bình Tân	210	0	210
13	Bom Bo	210	0	210
14	Bù Đăng	210	0	210
15	Bù Gia Mập	210	0	210
16	Cẩm Mỹ	210	0	210
17	Chơn Thành	210	0	210
18	Đa Kia	210	0	210
19	Đại Phước	210	0	210
20	Đak Lua	210	0	210
21	Đak Nhau	210	0	210
22	Đăk Ô	210	0	210
23	Dầu Giây	760	550	210
24	Định Quán	210	0	210
25	Đồng Phú	760	550	210
26	Đồng Tâm	210	0	210
27	Đồng Xoài	210	0	210

Stt	Đơn vị	Tổng cộng	Bổ sung kinh phí tổ chức các hoạt động thành lập phường NQ 237 của QH theo QĐ 589/QĐ-UBND ngày 03/6/2026	Kinh phí thực hiện chương trình y tế dân số đối với các trạm y tế cấp xã
A	B	1=sum()	2	3
28	Gia Kiệm	210	0	210
29	Hàng Gòn	210	0	210
30	Hố Nai	210	0	210
31	Hưng Phước	210	0	210
32	Hưng Thịnh	210	0	210
33	La Ngà	210	0	210
34	Lộc Hưng	210	0	210
35	Lộc Ninh	760	550	210
36	Lộc Quang	210	0	210
37	Lộc Tấn	210	0	210
38	Lộc Thành	210	0	210
39	Lộc Thạnh	210	0	210
40	Long Bình	210	0	210
41	Long Hà	210	0	210
42	Long Hưng	210	0	210
43	Long Khánh	210	0	210
44	Long Phước	210	0	210
45	Long Thành	760	550	210
46	Minh Đức	210	0	210
47	Minh Hưng	210	0	210
48	Nam Cát Tiên	210	0	210
49	Nghĩa Trung	210	0	210
50	Nha Bích	210	0	210
51	Nhon Trạch	760	550	210
52	Phú Hòa	210	0	210
53	Phú Lâm	210	0	210
54	Phú Lý	210	0	210
55	Phú Nghĩa	210	0	210
56	Phú Riêng	210	0	210
57	Phú Trung	210	0	210
58	Phú Vinh	210	0	210
59	Phước An	210	0	210
60	Phước Bình	210	0	210
61	Phước Long	210	0	210

Stt	Đơn vị	Tổng cộng	Bổ sung kinh phí tổ chức các hoạt động thành lập phường NQ 237 của QH theo QĐ 589/QĐ-UBND ngày 03/6/2026	Kinh phí thực hiện chương trình y tế dân số đối với các trạm y tế cấp xã
A	B	1=sum()	2	3
62	Phước Sơn	210	0	210
63	Phước Tân	210	0	210
64	Phước Thái	210	0	210
65	Sông Ray	210	0	210
66	Tà Lài	210	0	210
67	Tam Hiệp	210	0	210
68	Tam Phước	210	0	210
69	Tân An	210	0	210
70	Tân Hưng	210	0	210
71	Tân Khai	760	550	210
72	Tân Lợi	210	0	210
73	Tân Phú	760	550	210
74	Tân Quan	210	0	210
75	Tân Tiến	210	0	210
76	Tân Triều	210	0	210
77	Thanh Sơn	210	0	210
78	Thiện Hưng	210	0	210
79	Thọ Sơn	210	0	210
80	Thống Nhất	210	0	210
81	Thuận Lợi	210	0	210
82	Trần Biên	210	0	210
83	Trảng Bom	690	480	210
84	Trảng Dài	210	0	210
85	Trị An	760	550	210
86	Xuân Bắc	210	0	210
87	Xuân Định	210	0	210
88	Xuân Đông	210	0	210
89	Xuân Đường	210	0	210
90	Xuân Hòa	210	0	210
91	Xuân Lập	210	0	210
92	Xuân Lộc	760	550	210
93	Xuân Phú	210	0	210
94	Xuân Quế	210	0	210
95	Xuân Thành	210	0	210